TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2025/QĐST- DS	*Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 306; 317; 319 Luật thương mại.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2025/TLST- KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV (VPBank); Trụ sở: Số 89 LH, phường ĐĐ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông N C D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đại diện theo ủy quyền: ông P T A – Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý theo Văn bản uỷ quyền số 16/2025/UQN – CTQT ngày 24/4/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPBank. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: anh M Q M, anh Đ V H và anh T V T theo Giấy uỷ quyền số 1771 ngày 20.5.2025.

- Bị đơn: Công ty TNHH NL; Địa chỉ: Số nhà 13 ngõ 117 KĐ, phường KĐ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: bà Đ T B M – Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Đ T B M, sinh năm 1993; HKTT tại: Số nhà 13 ngõ 117 KĐ, phường KĐ, thành phố Hà Nội. SĐT: 0962.138.483

+ Ông N Đ T, sinh năm 1996; HKTT tại: ĐK- HT, xã ĐT, Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: chị Đ T B M, sinh năm 1993; CCCD số 008193000064 theo Giấy uỷ quyền ngày 02/8/2025.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH NL vay vốn tại VPBank theo Hợp đồng cho vay số: 0106522-4093738-01-SME ngày 3/6/2022; Hợp đồng cho vay số: CLC-36177-01 ngày 24/01/2025 và các khế ước nhận nợ kèm theo. Cụ thể như sau

* Hợp đồng cho vay số: 0106522-4093738-01-SME ngày 3/6/2022: Số tiền nhận nợ: 740.000.000 đồng**;** Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Khách hàng.; Mục đích sử dụng tiền vay: Vay bổ sung vốn thanh toán mua NEW MAZDA 6 Signature Premium đỏ 46V, Hộp số tự động 2,0L; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi chậm trả lãi: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

+ Khế ước nhận nợ số: 250924-4093738-ONL-5 ngày 26/9/2024: Số tiền nhận nợ: 440.000.000 đồng; Thời hạn vay: 5 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 26/9/2024 đến ngày 26/02/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là**:** 16,90%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/10/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 11,30%/năm (Mức lãi suất cho vay điều chỉnh).

+ Khế ước nhận nợ số: 251024-4093738-ONL-7 ngày 25/10/2024: Số tiền nhận nợ: 440.000.000 đồng; Thời hạn vay: 5 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 25/10/2024 đến ngày 25/03/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 15,70%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/11/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,30%/năm **(**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**)**.

+ Khế ước nhận nợ số: 251124-4093738-ONL-8 ngày 25/11/2024: Số tiền nhận nợ: 350.000.000 đồng; Thời hạn vay: 5 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 25/11/2024 đến ngày 25/04/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 15,70%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1

tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 25/12/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,30%/năm **(**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**)**.

+ Khế ước nhận nợ số: 080622-4093738-01-SME ngày 08/6/2022: Số tiền nhận nợ: 740.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 08/6/2022 đến ngày 08/6/2027; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 7,9%/năm. Cố định trong vòng 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 3 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 08/9/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 3-5 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.4%/năm **(**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**)**.

* Hợp đồng cho vay số: CLC-36177-01 ngày 24/01/2025: Số tiền nhận nợ: 900.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Khách hàng; Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất, kinh doanh bán buôn đồ dùng gia đình; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi chậm trả lãi: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

+ Khế ước nhận nợ số: 240125-4093738-ONL-9 ngày 24/01/2025: Số tiền nhận nợ: 330.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 24/01/2025 đến ngày 24/07/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là**:** 15,60%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/02/2025. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,90%/năm (Mức lãi suất cho vay điều chỉnh).

+ Khế ước nhận nợ số: 110225-4093738-ONL-10 ngày 11/02/2025: Số tiền nhận

nợ: 96.000.000 đồng; Thời hạn vay: 6 tháng, từ ngày tiếp theo ngày 11/02/2025 đến ngày 11/08/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 15,60%/năm. Cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 1 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/03/2025. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ sở tương ứng với đồng tiền cho vay tại Biểu lãi suất cơ sở áp dụng cho các khoản vay của Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 5 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,90%/năm **(**Mức lãi suất cho vay điều chỉnh**)**.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay :

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 6, BKS: 30H-782.27, số khung RN2GB47A6NM081287, số máy: PE50275669 theo Giấy hẹn lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30H-782.27 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/5/2022. Xác lập thế chấp tại Vpbank theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 0106522-4093738-01-SME/TC ký ngày 3/6/2022.

Biện pháp bảo đảm khác:

Theo các Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-51420/25/SME/BLCN-01 ngày 24/01/2025, bên bảo lãnh bà Đ T B M và Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-51420/25/SME/BLCN-02 ngày 24/01/2025 bên bảo lãnh ông N Đ T đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH NL trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số: 0106522-4093738-01-SME ngày 3/6/2022; Hợp đồng cho vay số: CLC-36177-01 ngày 24/01/2025 ký giữa Công ty TNHH NL và VPBank bao gồm cả các văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty TNHH NL đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank kể từ ngày 20/02/2025 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 04/8/2025, Công ty TNHH NL còn nợ VPBank với số tiền như sau: nợ gốc: 1.245.438.954 đồng; lãi trong hạn: 14.384.899 đồng; lãi quá hạn: 122.459.395 đồng; lãi chậm trả: 3.890.274 đồng. Tổng cộng: 1.383.209.202 đồng. Cụ thể:

+ Khế ước nhận nợ số: 250924-4093738-ONL-5 ngày 26/9/2024: nợ gốc là 87.998.954 đồng; lãi trong hạn: 1.220.320 đồng; lãi quá hạn: 10.325.594 đồng; lãi chậm trả: 321.351 đồng. Tổng là 99.866.219 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 251024-4093738-ONL-7 ngày 25/10/2024: nợ gốc là: 176.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.364.044 đồng; lãi quá hạn: 18.787.925 đồng; lãi chậm trả: 604.941 đồng. Tổng: 194.792.590 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 251124-4093738-ONL-8 ngày 25/11/2024: nợ gốc là 210.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.055 đồng; lãi quá hạn: 23.208.164 đồng; lãi chậm trả: 758.328 đồng. Tổng cộng 236.799.547 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 080622-4093738-01-SME ngày 08/6/2022: nợ gốc là 345.440.000 đồng; lãi trong hạn: 2.634.154 đồng; lãi quá hạn: 25.686.540 đồng; lãi chậm trả: 804.845 đồng. Tổng cộng 374.565.539 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 240125-4093738-ONL-9 ngày 24/01/2025: nợ gốc là 330.000.000 đồng; lãi trong hạn: 3.808.110 đồng; lãi quá hạn: 35.794.602 đồng; lãi chậm trả: 1.146.244 đồng. Tổng cộng 370.748.956 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 110225-4093738-ONL-10 ngày 11/02/2025: nợ gốc là 96.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.525.216 đồng; lãi quá hạn: 8.656.570 đồng; lãi chậm trả: 254.565 đồng. Tổng cộng 106.436.351 đồng.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận cụ thể như sau:

- Công ty TNHH NL phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; Tạm tính đến ngày 04/8/2025, Công ty TNHH NL còn nợ VPBank với số tiền như sau: nợ gốc: 1.245.438.954 đồng; lãi trong hạn: 14.384.899 đồng; lãi quá hạn: 122.459.395 đồng; lãi chậm trả: 3.890.274 đồng. Tổng cộng: 1.383.209.202 đồng. Cụ thể:

+ Khế ước nhận nợ số: 250924-4093738-ONL-5 ngày 26/9/2024: nợ gốc là 87.998.954 đồng; lãi trong hạn: 1.220.320 đồng; lãi quá hạn: 10.325.594 đồng; lãi chậm trả: 321.351 đồng. Tổng là 99.866.219 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 251024-4093738-ONL-7 ngày 25/10/2024: nợ gốc là: 176.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.364.044 đồng; lãi quá hạn: 18.787.925 đồng; lãi chậm trả: 604.941 đồng. Tổng: 194.792.590 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 251124-4093738-ONL-8 ngày 25/11/2024: nợ gốc là 210.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.833.055 đồng; lãi quá hạn: 23.208.164 đồng; lãi chậm trả: 758.328 đồng. Tổng cộng 236.799.547 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 080622-4093738-01-SME ngày 08/6/2022: nợ gốc là 345.440.000 đồng; lãi trong hạn: 2.634.154 đồng; lãi quá hạn: 25.686.540 đồng; lãi chậm trả: 804.845 đồng. Tổng cộng 374.565.539 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 240125-4093738-ONL-9 ngày 24/01/2025: nợ gốc là 330.000.000 đồng; lãi trong hạn: 3.808.110 đồng; lãi quá hạn: 35.794.602 đồng; lãi chậm trả: 1.146.244 đồng. Tổng cộng 370.748.956 đồng.

+ Khế ước nhận nợ số: 110225-4093738-ONL-10 ngày 11/02/2025: nợ gốc là 96.000.000 đồng; lãi trong hạn: 1.525.216 đồng; lãi quá hạn: 8.656.570 đồng; lãi chậm trả: 254.565 đồng. Tổng cộng 106.436.351 đồng.

Chậm nhất là ngày 25/8/2025 Công ty TNHH NL phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo kể từ ngày 05/8/2025 cho đến ngày Công ty TNHH NL thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

- VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm

bảo để thu hồi nợ cho VPBank nếu Công ty TNHH NL không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng VPBank, cụ thể như sau : 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, số loại 6, BKS: 30H-782.27, số khung RN2GB47A6NM081287, số máy: PE50275669 theo Giấy hẹn lấy giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30H-782.27 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/5/2022. Xác lập thế chấp tại Vpbank theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 0106522-4093738-01-SME/TC ký ngày 3/6/2022.

- Trong trường hợp Công ty TNHH NL không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Vpbank, Theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-51420/25/SME/BLCN-01 ngày 24/01/2025, bên bảo lãnh bà Đ T B M và Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-51420/25/SME/BLCN-02 ngày 24/01/2025 bên bảo lãnh ông N Đ T thì bên bảo lãnh bà Đ T B M và ông N Đ T có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty TNHH NL toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng Hợp đồng cho vay số: 0106522-4093738-01-SME ngày 3/6/2022 và Hợp đồng cho vay số: CLC-36177-01 ngày 24/01/2025 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

Về án phí, Công ty TNHH NL tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí Kinh doanh thương mại số tiền 26.748.138 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000513 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội/.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ngày 28/12/2015, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát đã cùng với công ty Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn ký kết hợp đồng kinh tế số 132/HĐKT-DTP/VH về việc mua bán bê tông thương phẩm theo mác, chỉ tiêu kỹ thuật và các dịch vụ khác cho công trình "**tòa nhà Tincom Pháp Vân xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội".**

Hai bên xác nhận Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn đã bán cho công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát giá trị hàng hóa là 4.702.524.712 đồng, công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát đã thanh toán cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn tính đến ngày 25/12/2019 số tiền là 2.200.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 2.502.524.712 đồng.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát xác nhận còn nợ Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn số tiền như sau:

- Tổng số tiền nợ gốc còn lại là: 2.502.524.712 đồng (bằng chữ: hai tỷ năm trăm linh hai triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm mười hai đồng)

- Số tiền lãi chậm trả 9%/năm tính từ ngày 01/10/2016 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn cuối) đến ngày 13/10/2019: 737.789.246 đồng (bằng chữ: bảy trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng và có bảng tính lãi kèm theo).

* **Hai bên thỏa thuận:**

- Thời hạn thanh toán: chậm nhất là ngày 30/3/2020 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát sẽ thanh toán trả công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn số tiền 1 tỷ đồng, chậm nhất là ngày 30/5/2020 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát sẽ thanh toán trả cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn số tiền 1 tỷ đồng, chậm nhất là ngày 30/7/2020 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát sẽ thanh toán trả cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn số tiền 502.524.712 đồng. Đến ngày 30/7/2020 công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát thanh toán xong toàn bộ nợ gốc thì công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn miễn toàn bộ khoản lãi số tiền 737.789.246 đồng cho công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát. Nếu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát vi phạm cam kết trả nợ như trên thì công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thu hồi toàn bộ phần gốc và lãi số tiền 737.789.246 đồng.

Ghi nhận kể từ ngày 14/10/2019 Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn không yêu cầu lãi chậm trả đối với công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về án phí: ghi nhận Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đông Thịnh Phát chịu cả 48.403.139 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm linh ba ngàn một trăm ba chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư thương mại Việt Hàn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006660 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Huyền

*** Hai bên thỏa thuận:** Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng có trách nhiệm thanh toán số tiền 583.144.389 VNĐ (Năm trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành làm một lần, chậm nhất là ngày 31/7/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành không yêu cầu Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2019 đến ngày 31/7/2019.

Trường hợp, đến ngày 31/7/2019 Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng thực hiện đúng cam kết trả nợ thì công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành miễn toàn bộ khoản lãi 72.689.389 VND cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng, nếu ngày 31/7/2019 Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng không thanh toán đúng cam kết thì Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng không được miễn số tiền lãi 72.689.389 VND và còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành và Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng, mỗi bên phải chịu 6.831.000VNĐ (Sáu triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành đã nộp 13.000.000VNĐ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 000839 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ. Nay hoàn trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành số tiền 6.169.000VNĐ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hường

Thẩm phán đã ký: Đặng Thị Hường

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, Ngày 21 tháng 4 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐĐ

Thẩm phán

Đặng Thị Hường

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN ĐĐ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....….....

2. Ông (Bà).....….....….....

3. Ông (Bà).....….....….....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

…….....……..….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /2016/QĐST_KDTM

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 292, Khoản 1 Điều 317; Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ Kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2016/TLST-KDTM ngày 12/12/2016 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.
Trụ sở: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng Gấm – Cán bộ xử lý nợ

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Carbone Việt Nam.
Trụ sở: Phòng 207 – khu tập thể Dầu khí, tổ 15, phường LH, quận ĐĐ, Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Dư Huy Minh – Giám đốc.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dư Văn Hiền, sinh năm 1950
2. Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1947

Cùng cư trú tại: Phòng 207 – khu tập thể Dầu khí, tổ 15, phường LH, quận ĐĐ, Hà Nội.

3. Anh Dư Huy Minh, sinh năm 1977
4. Hà Thị Giang, sinh năm 1980
5. Cháu Dư Thiên Cầm, sinh năm 2005
6. Cháu Dư Thiên Thi, sinh năm 2007

Cùng cư trú tại: Tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội (số mới là số 23, ngách 24/47 ngõ 81 Đường lạc Long Quân, tổ 13 phường Nghĩa Đô, quận cầu Giấy, Hà Nội).

Cháu Dư Thiên Cầm và cháu Dư Thiên Thi do chị Giang đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và Công ty TNHH Carbone Việt Nam cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dư Văn Hiền, bà Nguyễn Thị Yến, anh Dư Huy Minh, chị Hà Thị Giang, cháu Dư Thiên Cầm, cháu Dư Thiên Thi (cháu Cầm, cháu Thi do chị Giang đại diện) cùng thống nhất xác nhận: Công ty TNHH Carbone Việt Nam còn nợ Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam tổng số tiền nợ gốc theo 02 hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 1564/HĐHMTD/TCB-TN ngày 13/10/2011 và hợp đồng hạn mức tín dụng số: 20158580/2014/THN ngày 20/3/2014 số tiền gốc là 3.709.690.904 đồng(Ba tỷ bẩy trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng), tổng lãi: 4.907.896.052đồng (Bốn tỷ chín trăm linh bẩy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai đồng)(tạm tính đến ngày 05/10/2016).

Tổng cả gốc và lãi: 8.617.586.956đồng(Tám tỷ sáu trăm mười bẩy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Nay ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam đồng ý miễn giảm cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam số tiền lãi là 3.920.766.650đồng(Ba tỷ chín trăm hai mươi triệu bẩy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Do vậy số tiền lãi Công ty TNHH Carbone Việt Nam còn phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam là: 987.129.402đồng(Chín trăm tám mươi bẩy triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm linh hai đồng). Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chỉ đồng ý miễn số tiền lãi 3.920.766.650đồng(Ba tỷ chín trăm hai mươi triệu bẩy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) với điều kiện Công ty TNHH Carbone Việt Nam phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng kỹ thương theo đúng cam kết trả nợ mà hai bên đã thống nhất thỏa thuận dưới đây . Trường hợp Công ty TNHH Carbone Việt Nam vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì Ngân hàng kỹ thương sẽ không miễn giảm lãi cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam.

Đối với số tiền gốc 3.709.690.904 đồng(Ba tỷ bẩy trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng)chưa thanh toán được tính từ ngày 06/10/2016 Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam nhất trí áp dụng mức lãi suất là 10% /năm cho đến khi Công ty TNHH Carbone Việt Nam tất toán hết khoản nợ.

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và Công ty TNHH Carbone Việt Nam thống nhất phương án thanh toán sau:

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam nhất trí cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam trả nợ số tiền nợ gốc và lãi nói trên trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021. Cụ thể:

- Số tiền nợ gốc được trả trong thời hạn 3 năm (ba mươi sáu tháng tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019).Trả trong 12 quý, mỗi quý thanh toán số tiền là: 309.140.909 đồng(Ba trăm linh chín triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm linh chín đồng) chậm nhất là vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.
- Số tiền nợ lãi và lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại từ ngày 06/10/2016 đến khi tất toán khoản vay: Trả trong 24 tháng, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021, trả nợ trong 8 quý, mỗi quý thanh toán số tiền tối thiểu là: 123.391.175đồng (Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn một trăm bẩy mươi lăm đồng). chậm nhất là vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.
- Trật tự thu nợ, thu nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Trường hợp Công ty TNHH Carbone Việt Nam vi phạm lịch trả nợ, trả không đúng số tiền cam kết trả nợ, không đúng thời gian cam kết trả nợ thì Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán và có quyền yêu cầu cơ quan thi

hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp 1304.1/HĐTC-BĐS/TCB-THN. Số công chứng: 4459.2011/HĐTC-TCB ngày 25/10/2011 là quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp đối với căn hộ 207-13-TT. Dầu Khí, phường LH, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội, có diện tích 37,50m^2 nằm ở tầng 2 của khu tập thể 5 tầng, kết cấu nhà xây gạch-mái bằng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 10803 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/1999. Đính chính chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở ngày 23/10/2006 tại Sở tài nguyên Môi trường và nhà đất thành phố Hà Nội đứng tên Dư Văn Hiền và Nguyễn Thị Yến và tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1192.2011/HĐTC ngày 10/06/2011 là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 141(1P), tờ bản đồ số: 09, địa chỉ: tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, có diện tích: 64.1 m², sử dụng riêng: 64,1m^2, tài sản gắn liền với đất: Nhà xây gạch: 01 tầng, diện tích sử dụng 50.0m^2 , diện tích xây dựng: 50,0m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 166605, MS: 10113014472-01, hồ sơ gốc số: 1421.QĐ-UBND.2009/1096 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, TUQ, UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/09/2009 cấp cho người sử dụng là Công ty TNHH Carbone Việt Nam.(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0102025104 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp) để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Carbone Việt Nam đối với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Carbone Việt Nam vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

- Án phí: Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và công ty TNHH Carbone Việt Nam mỗi bên phải chịu 28.226.972đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bẩy mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam đã nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số tiền là: 58.300.000đồng(Năm mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004949 ngày 09/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận ĐĐ. Hoàn trả Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 30.073.028đồng (Ba mươi triệu không trăm bẩy mươi ba nghìn không trăm hai mươi tám đồng). (Công ty TNHH Carbone Việt Nam chưa nộp án phí)

Ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐĐ
Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND quận ĐĐ.
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Hường